

**HƯỚNG DẪN CHẤM**  
(gồm 05 trang)

Môn thi: Ngữ văn (Không chuyên)

Ngày thi: 09/04/2023 – 16/04/2023

Thời gian làm bài: 100 phút (Không kể thời gian phát đề)

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1. Giám khảo chấm đúng theo Hướng dẫn chấm của Dự án The Gifted Battlefield.
2. Nếu thí sinh có cách trả lời khác đáp án nhưng đúng thì giám khảo vẫn chấm điểm theo biểu điểm của Hướng dẫn chấm.
3. Giám khảo không quy tròn điểm thành phần của từng câu, điểm của bài thi.
4. Giám khảo căn cứ vào tình hình và chất lượng thực tế của mỗi bài làm để chấm điểm thích hợp.

**II. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

Câu	Nội dung	Điểm
1	<b>Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu.</b>	<b>3,0</b>
	a. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là: <i>Nghị luận</i> Thí sinh xác định đúng phương thức biểu đạt chính của văn bản: 0,5	0,5
	b. Biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản là <i>điệp cấu trúc</i> , lặp lại cú pháp “ <i>Có người + (vị ngữ)</i> ” ở đoạn thứ ba của văn bản. Phép điệp cấu trúc có tác dụng <i>nhấn mạnh, tạo sự kết nối và đẩy nhanh nhịp đọc các câu văn, gợi ra mức độ đa dạng và phức tạp của các cách con người đối diện với sự cô độc</i> . Thí sinh gọi tên được biện pháp tu từ và xác định được vị trí sử dụng: 0,25; chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ về mặt ngữ pháp và ngữ nghĩa: 0,25 Nếu thí sinh chỉ xác định được một trong hai yêu cầu của mỗi vế: 0,25 <i>Chấp nhận các đáp án hợp lý khác.</i>	0,5
	c. Tác giả cho rằng: <i>Những khoảng trống của sự cô độc không phải là để lấp đầy bởi sự cô độc vốn luôn tồn tại sẵn có trong mỗi một con người, nếu ta liên tục muốn chúng được lấp đầy, ta sẽ mất đi cơ hội được đối thoại và hiểu rõ được bản thân. Với thái độ bao dung, tác giả kêu gọi con người nên tận dụng những khoảng trống ấy để nhận diện được bản chất cô đơn của chính mình, từ đó hướng sự chú ý của mình vào bên trong và chấp nhận cô đơn như một lẽ tất yếu</i> . Thí sinh trình bày được các ý: nhận thức (0,25); thái độ (0,25); hành động (0,5); <i>chấp nhận các cách diễn đạt hợp lý khác.</i>	1,0
d. Học sinh có thể đồng ý hoặc không đồng ý với vấn đề đặt ra miễn sao lí lẽ phải thuyết phục. Bày tỏ được quan điểm của bản thân (0,25); thuyết phục được người đọc về quan điểm ấy (0,5); không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp (0,25). Một vài gợi ý: <i>Bản chất của con người vốn là cô đơn bởi vì mỗi một con người là một thế giới riêng biệt: trải nghiệm được sinh ra hay chết đi đều là những trải nghiệm thầm kín và cô độc, hay tới cuối ngày chỉ có bản thân ta mới phải chịu trách nhiệm cho cuộc sống của chính mình. Song, bản chất cô đơn không mâu thuẫn với ham muốn được kết</i>	1,0	

	<i>nói với người khác, vì phải có người khác, con người mới nghiệm ra được về độc nhất đầy phức tạp của chính mình. Kết nối với người khác còn giúp con người bồi đắp thêm những phẩm chất, những tình cảm để hoàn thiện những “khoảng trống” đầu óc của mình, vì suy cho cùng, không ai có thể sống mà không có cộng đồng. Vậy nên cần có cái nhìn cân bằng, cần hiểu về cô đơn để biết rằng mình là ai, nhưng cũng để biết rằng mình luôn cần có người khác.</i>	
	<b>Viết bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) bàn về cách đối diện và ứng xử trước những khoảng trống tâm hồn.</b>	<b>3,0</b>
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>kết bài</i> kết luận được vấn đề.	0,5
2	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. <i>Sau đây là một số gợi ý cho các hướng giải quyết đề bài:</i> - <i>Giải thích (0,25):</i> “Khoảng trống tâm hồn” chỉ cảm giác thiếu vắng, đó là sự cô đơn, là khoảng cách ta cảm thấy là đang tồn tại giữa mình và người khác. Khoảng trống ấy có là vì ta cảm thấy mình xa lạ với người khác, vì không một ai có thể hiểu được ta. Nó còn hàm chứa ý nghĩa rằng: con người luôn cần có người khác, đồng thời con người cũng cần học cách để chấp nhận nó như một sự thật tất yếu. Mỗi người có một cách đối diện với sự cô độc, song không phải ai cũng có thể hoàn toàn thích nghi được với nó. - <i>Bàn luận: Tùy vào những trải nghiệm và suy ngẫm riêng, học sinh bàn luận vấn đề theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các bước làm bài Nghị luận xã hội (lí giải nguyên nhân, phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại, ...). Cần phân tích các dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề (1,25). Một vài gợi ý:</i> + Con người cần đi vào bên trong, đối diện với sự cô độc để hiểu rõ được bản chất của chính mình cũng như các kết nối giữa mình với người khác. Bản chất của chính mình là gì, cái gì làm mình trở nên độc nhất và không ai có thể chia sẻ với mình? Bản chất của các mối quan hệ xung quanh mình là gì, khi tới cuối ngày, dù cho thân thiết đến mấy, người khác vẫn không thể hoàn toàn thấu suốt được mình? Phải dành thời gian để trả lời cho những câu hỏi ấy, con người mới hiểu được rằng: Mỗi một người sống trên đời đều là một thế giới cô độc, một thế giới riêng biệt, những mối quan hệ chỉ xuất hiện nhằm giúp cho con người khuây khỏa đi phần nào sự cô độc đó, giúp họ chia sẻ với nhau những phần giống nhau trong thế giới của riêng mình, song tới cuối ngày, mỗi một người vẫn phải chịu trách nhiệm cho chính sự cô độc của mình. Khi ta biết được mình là ai, ta hiểu được mục đích của những kết nối ta đã gặp, sự sống sẽ không còn là một gánh nặng khi ta chỉ có chính mình ở đó. Muốn được vậy, nhất thiết cô đơn phải xuất hiện. + Song, vì cô đơn nên con người cũng cần phải hướng ra ngoài, cần kết nối với người khác nhiều hơn nữa, vì cảm giác cô đơn xuất hiện để chứng minh cho một nhu cầu khác cũng cố hữu ở con người: nhu cầu được kết nối với người khác.	2,0

	<p>Không ai có thể tồn tại mà thiếu đi sự sống của những người xung quanh, dù hiểu theo bất kì cấp độ nào. Vậy nên đối diện với cô đơn là để hiểu mình cũng cần người khác, mình cũng cần học thêm những bài học từ mỗi một thế giới độc đáo như thế, từ đó con người mới sống có trách nhiệm hơn, hiểu được sự cần thiết của mình đối với thế giới và từ đó đưa ra được những lựa chọn khôn ngoan trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Mở rộng</i>: Không đồng tình với những người chìm đắm trong sự cô đơn, thiếu đi hành động để đối diện với nó, cũng như những người có xu hướng tự cô lập, tự tách rời mình khỏi cộng đồng và đổ lỗi khi người khác không thể khóa lấp được sự cô đơn của bản thân. Cần cẩn trọng để không khiến cô đơn điều khiển lương tri và bản ngã của mình.</li> <li>- <i>Bài học nhận thức và hành động (0,5)</i>: Học cách chấp nhận sự cô đơn của mình chính là học cách chấp nhận sự cô đơn của người khác. Mỗi người có quyền và cần phải chủ động đối mặt với sự cô đơn bên trong mình để nhận chân được bản chất của tồn tại, đồng thời hiểu được rằng mỗi kết nối mình có trên đời này đều đáng quý, từ cái hiểu về bản thân mà tìm ra được cách đối diện với người khác và với chính mình.</li> </ul>	
	c. Sáng tạo	0,25
	Có cách diễn đạt sáng tạo; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	<b>ĐỀ 1</b>	
	<b>Thông qua phân tích tính triết luận trong truyện ngắn <i>Bến quê</i> nói về vị thế của người trẻ với bản sắc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.</b>	<b>4,0</b>
	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,5
	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>kết bài</i> kết luận được vấn đề.	
<b>3</b>	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận.</li> <li>- Cảm nhận về những nghịch lí số phận mà nhân vật Nhĩ đã trải qua: + Nhĩ đã từng đi rất nhiều nơi, nhưng đến cuối đời lại bị chôn chặt bên giường bệnh. Từng rong ruổi “<i>không sót một xó xĩnh nào trên trái đất</i>”, bấy giờ chỉ một bãi bồi bên kia sông Hồng mà Nhĩ cũng không thể sang. Cái cựa quậy lật mình đầy nghiệt ngã của Nhĩ là minh chứng rằng: Dù con người có nỗ lực hoạch định cuộc đời mình tới mấy, có một thế lực luôn ở bên trên - luôn sẵn sàng xuống tay làm nên những điều éo le, nghịch lí, không thể lường trước được bởi đầu óc của con người - mang tên số phận. Khi anh gửi ước mơ của mình vào đứa con trai, Tuấn, Tuấn một lần nữa đã lặp lại đúng con đường của Nhĩ ngày xưa, vì ván cờ thế trên hè mà đã lỡ mất chuyến đò cuối cùng trong ngày. Sự tương phản giữa quá khứ - hiện tại, sự tái diễn của những</li> </ul>	3,0

<p>vòng lặp số phận cho thấy tính chất bất định của cuộc sống, từ đó gợi ý rằng con người nên điều chuyển sự chú ý của mình vào hiện tại, vào những điều nhỏ bé, vụn vặt ở xung quanh trước khi hướng tới những điều ở chân trời góc bể, chớ vì lí tưởng mà lỡ mất hiện tại (1,75).</p> <p>+ Câu chuyện “vòng vèo chùng chình” trong “<i>Bến quê</i>” được thể hiện qua một hệ thống nhân vật, biểu tượng và tình huống truyện đặc sắc mà đơn giản, tính chất xung đột được dồn nén cô đọng trong tâm lí nhân vật, ca ngợi sự sống hiện tồn ở thực tại. Cả tác phẩm là một ẩn dụ sâu sắc, giàu chất triết luận về bản chất tồn tại của con người dưới bàn tay của số phận và nghịch lí, đạt được tới mức độ thấu hiểu cao nhất về nhân sinh, về sự sống nhiệm mầu từ những điều đơn giản nhất (0,5).</p> <p>- Học sinh liên hệ với thực tế đời sống về vấn đề hội nhập toàn cầu và bản sắc cá nhân, bản sắc dân tộc: Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, người trẻ càng cần phải nỗ lực xây dựng cho mình một gốc văn hóa, một bản sắc để có thể tự tin, vững chắc trước một thế giới liên tục thay đổi và đa văn hóa. Bản sắc sẽ giúp người trẻ kết nối được mình với dân tộc, làm điểm tựa để người trẻ nhìn ra thế giới, đồng thời giúp văn hóa của dân tộc được đậm đà hơn trong mắt bạn bè quốc tế. Nếu bản sắc không vững, người trẻ sẽ dễ dàng nghiêng ngả, sa đà vào các giá trị chưa được bảo chứng, dễ dàng lạc lối và quên mất mình là ai (0,75).</p>	
<p>c. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25
<b>ĐỀ 2</b>	
<p><b>Phân tích một nhân vật văn học cụ thể để chứng minh: <i>Người đọc cho phép nhân vật được sống vì nhân vật cho phép người đọc được sống.</i></b></p>	<b>4,0</b>
<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề, <i>thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>kết bài</i> kết luận được vấn đề.</p>	0,5
<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận; triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p><i>Học sinh có thể triển khai bài làm theo nhiều hướng khác nhau: bình luận vấn đề; phân tích một hay nhiều tác phẩm cụ thể chứng minh vấn đề; kết hợp giữa chứng minh và bình luận; ... Sau đây là một hướng giải quyết đề bài:</i></p> <p>- <i>Giới thiệu vấn đề nghị luận:</i> Nhân vật là đại biểu cho con người trong thế giới văn học. Vì vừa mang tính chất độc đáo, cụ thể, vừa mang tính chất điển hình, khái quát, người đọc vừa có thể đồng nhất hoặc liên hệ nhân vật với cuộc sống của chính mình và người khác, vừa có thể ghi nhớ và bị ấn tượng bởi cá tính riêng biệt của từng nhân vật. Một nhân vật cho người đọc được hóa thân, đồng cảm một cách sâu sắc, mặc khác lại có những đặc điểm, phẩm chất khiến người ta phải ghi nhớ lâu dài, đó là một nhân vật thành công (0,5).</p>	3,0

<p>- <i>Chứng minh bằng những trải nghiệm văn học:</i> Học sinh tự chọn phân tích một nhân vật (trong hoặc ngoài SGK, không giới hạn là thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết hay kịch) để chỉ ra tính chất đại biểu, khơi gợi được sự đồng cảm sâu sắc từ phía độc giả của một nhân vật, song song đó chứng minh rằng nhân vật đó được xây dựng với một cá tính, suy nghĩ độc đáo, không trùng lặp, đem lại ấn tượng lâu dài. Đó là một Thúy Kiều cả đời dấn vất giữa tình và lý trong “<i>Truyện Kiều</i>”, một Lục Vân Tiên hào sảng, hào hiệp “<i>rất chất nam bộ</i>” trong “<i>Truyện Lục Vân Tiên</i>”, một ông Hai gói ghém tình yêu tổ quốc trong bóng hình làng Chợ Dầu trong “<i>Làng</i>”, một bé Thu quật cường nhưng cũng rất bé nhỏ trong “<i>Chiếc lược ngà</i>”. Cảm nhận của học sinh cần chân thành, tinh tế, sâu sắc. Bài làm cần có lí lẽ làm sáng tỏ vấn đề chứ không chỉ dừng lại ở việc phân tích nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. (2,0)</p> <p>- <i>Khái quát, đánh giá, bàn luận vấn đề:</i> Học sinh đưa ra các ý kiến, suy nghĩ khác nhau về vấn đề (0,5). Có thể là:</p> <p>+ Một nhân vật hay cần phải cân bằng được giữa tính chất đại biểu và tính chất độc đáo. Nếu thiên lệch về tính chất đại biểu, nhân vật được tạo ra sẽ mang màu sắc minh họa, kém chân thực, không thuyết phục được người đọc về thế giới mà nhà văn tạo ra. Nếu thiên lệch về tính chất độc đáo, nhân vật sẽ khó gây được sự đồng cảm, khó để lại ấn tượng lẫn niềm tin ở người đọc.</p> <p>+ Để xây dựng được một nhân vật hay, nhà văn cần phải liên tục quan sát con người và quan sát chính mình, luôn luôn tìm tòi, sáng tạo và tin tưởng vào sự phức tạp đầy màu nhiệm của thế giới nội tâm con người. Người đọc muốn hiểu được nhân vật sâu sắc hơn cũng cần phải không ngừng trau dồi vốn sống, không ngừng tiếp xúc, quan sát chính mình và người đời, nâng cao trình độ tiếp nhận. Có như vậy, nhân vật mới có thể được hoà nhập và hộ sản một cách trọn trù, lại gần gũi, thuyết phục và sống được trong lòng người đọc.</p> <p><i>Lưu ý:</i></p> <p>+ <i>Học sinh lựa chọn được bài thơ, đoạn thơ phù hợp nhưng phân tích còn chung chung, thiếu lí lẽ hướng vào đề: đạt tối đa 2,0/3,0 điểm</i></p> <p>+ <i>Học sinh có lí lẽ hướng vào đề nhưng kĩ năng phân tích chưa tốt, rơi vào diễn xuôi ý thơ: đạt tối đa 2,0/3,0 điểm</i></p>	
<p>c. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo; thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p>	0,25